

**LỆNH của Chủ tịch nước số 17/2003/  
L-CTN ngày 26/6/2003 về việc công  
bố Luật sửa đổi, bổ sung một số  
điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc  
biệt.**

**CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Điều 91 của Luật Tổ chức Quốc hội;*

*Căn cứ vào Điều 50 của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,*

**NAY CÔNG BỐ:**

**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.**

**Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003./.**

**Chủ tịch  
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**TRẦN ĐỨC LƯƠNG**

**LUẬT sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt**

(số 08/2003/QH11 ngày 17/6/2003).

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 20 tháng 5 năm 1998.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt:

**1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 1.** Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sau đây là đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

1. Hàng hóa:

a) Thuốc lá điếu, xì gà;

b) Rượu;

c) Bia;

d) Ô tô dưới 24 chỗ ngồi;

d) Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng;

e) Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;

g) Bài lá;

h) Vàng mã, hàng mã.

2. Dịch vụ:

a) Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê;

b) Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot);

c) Kinh doanh giải trí có đặt cược;

d) Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn;

d) Kinh doanh xổ số.”

**2. Khoản 6 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“6. Đối với rượu, bia sản xuất trong nước, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt, kinh doanh gôn, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt do Chính phủ quy định cụ thể.**

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Trường hợp đối tượng nộp thuế có doanh số mua, bán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại

tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh số để xác định giá tính thuế.”

### **3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

#### **“Điều 7. Thuế suất**

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt sau đây:

**Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt**

| <b>Số thứ tự</b> | <b>Hàng hóa, dịch vụ</b>  | <b>Thuế suất (%)</b> |
|------------------|---|----------------------|
| <b>I.</b>        | <b>Hàng hóa</b>   |                      |
| 1.               | Thuốc lá điếu, xì gà  |                      |
|                  | a) Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu, xì gà    | 65                   |
|                  | b) Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu sản xuất trong nước | 45                   |
|                  | c) Thuốc lá điếu không đầu lọc  | 25                   |
| 2.               | Rượu  |                      |
|                  | a) Rượu từ 40 độ trở lên  | 75                   |
|                  | b) Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ   | 30                   |
|                  | c) Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả  | 20                   |
|                  | d) Rượu thuốc   | 15                   |
| 3.               | Bia   |                      |
|                  | a) Bia chai, bia hộp, bia tươi  | 75                   |
|                  | b) Bia hơi  | 30                   |
| 4.               | Ôtô   |                      |
|                  | a) Ôtô từ 5 chỗ ngồi trở xuống  | 80                   |
|                  | b) Ôtô từ 6 đến 15 chỗ ngồi   | 50                   |
|                  | c) Ôtô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi   | 25                   |
| 5.               | Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác dùng để pha chế xăng | 10                   |
| 6.               | Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống                               | 15                   |
| 7.               | Bà lá   | 40                   |
| 8.               | Vàng mã, hàng mã  | 70                   |
| <b>II.</b>       | <b>Dịch vụ</b>  |                      |
| 1.               | Kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê  | 30                   |
| 2.               | Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt                                   | 25                   |
| 3.               | Kinh doanh giải trí có đặt cược   | 25                   |
| 4.               | Kinh doanh gôn: bán thẻ hội viên, vé chơi gôn                                     | 10                   |
| 5.               | Kinh doanh xổ số  | 15                   |



**4. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt vào ngân sách nhà nước tại nơi sản xuất, kinh doanh.

Thời hạn nộp thuế hàng tháng chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo;”

**5. Bổ sung khoản 4 vào Điều 11 như sau:**

“4. Chính phủ quy định cụ thể thủ tục kê khai, nộp thuế phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh trước pháp luật, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan thuế, bảo đảm quản lý thu thuế chặt chẽ, có hiệu quả.”

**6. Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Thông báo số thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế do Chính phủ quy định, đơn đốc đối tượng nộp thuế nộp đúng thời hạn; nếu quá thời hạn nộp thuế mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thì thông báo về số thuế phải nộp và số tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật này; nếu đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt theo thông báo thì có quyền áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt; nếu đã thực hiện các biện pháp xử lý nói trên mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt thì chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.”

**7. Bổ sung điểm d vào khoản 1 Điều 15 như sau:**

“d) Kê khai giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn 10% giá bán trên thị trường của hàng hóa, dịch vụ đó.”

**8. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 16. Những trường hợp được xét giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt

1. Cơ sở sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ thì được xét giảm thuế, miễn thuế.

2. Cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô được giảm mức thuế suất theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 của Luật này như sau:

- Năm 2004 giảm 70%.

- Năm 2005 giảm 50%.

- Năm 2006 giảm 30%.

- Từ năm 2007 nộp đúng thuế suất quy định.

Chính phủ quy định cụ thể việc giảm thuế, miễn thuế quy định tại Điều này.”

**Điều 2.** Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

**Điều 3.** Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003./

Chủ tịch Quốc hội

NGUYỄN VĂN AN

**LỆNH của Chủ tịch nước số 18/2003/L-CTN ngày 26/6/2003 về việc công bố Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.**

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến